

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05/4/2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Năm.

Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Kim Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1025/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2017 về việc: “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/02/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Trung T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 993 Đường H, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 50/43E Đường N, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 02/10/2017, các biên bản tự khai ngày 01/12/2017, 26/12/2017 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ ông Đỗ Trung T trình bày:

Ông T và Nguyễn Thị Thùy D chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng 1 năm nay do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau thường xuyên chủ yếu là vấn đề kinh tế trong gia đình và cách nuôi dạy con chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã tự ly thân khoảng 6 tháng nay. Vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau, gia đình sống không có hạnh phúc nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Nguyễn Phương N sinh ngày 02/10/2009 và Đỗ Nguyễn Anh Q, sinh ngày 06/4/2011. Tại biên bản tự khai ngày 01/12/2017 ông T có yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi hai con chung, tuy nhiên tại biên bản tự khai ngày 26/12/2017 ông T có thay đổi yêu cầu là đồng ý giao hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 10.000.000 (mười triệu) đồng, mỗi bé 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Ông T tự khai không thiếu nợ gì của ai.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt tại các buổi hòa giải nên tòa không tiến hành hòa giải được nhưng có biên bản tự khai ngày 01/12/2018 trình bày như sau :

Bà Nguyễn Thị Thùy D không đồng ý ly hôn với ông T do hai con còn nhỏ, nếu vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống và học hành của các con. Bà D xác nhận vợ chồng có hai con chung tên Đỗ Nguyễn Phương N sinh ngày 02/10/2009 và Đỗ Nguyễn Anh Q, sinh ngày 06/4/2001. Trường hợp nếu phải ly hôn bà D yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Bà D tự khai không thiếu nợ gì của ai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8: Bà Ngô Kim Sinh phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn, giao hai con chung là Đỗ Nguyễn Phương N sinh ngày 02/10/2009 và Đỗ Nguyễn Anh Q, sinh ngày 06/4/2011 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con nuôi hai con chung mỗi tháng là 10.000.000 (mười triệu) đồng, mỗi bé 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết. Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Đỗ Trung T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Thùy D nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình, do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Thùy D nhiều lần để hòa giải nhưng bà D đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171,

172, 173, 174, 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà D đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ngày 19/3/2018 ông Đỗ Trung T có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa ông và bà D. Do ông T bận công tác nên không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, ông Đỗ Trung T và Nguyễn Thị Thùy D chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn số 250 quyền số 01/2009 ngày 14/12/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nay ông T yêu cầu được ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với khoản 1 Điều 51 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện và biên bản tự khai ngày 01/12/2017 ông T yêu cầu được ly hôn với bà D. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn gia đình phát sinh là do bất đồng quan điểm sống, cách sống khác biệt, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và cách suy nghĩ trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn gia đình phát sinh ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được chủ yếu về vấn đề kinh tế do bà D cho rằng ông T không đáp ứng được nhu cầu kinh tế của gia đình, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên ông T và bà D đã tự ly thân với nhau hơn 6 tháng. Tại biên bản tự khai ngày 01/12/2017 bà Nguyễn Thị Thùy D có lời khai không đồng ý ly hôn với lý do con chung còn nhỏ sợ ảnh hưởng đến việc học hành của con, chứ không yêu cầu đoàn tụ để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà D đến Tòa hòa giải nhưng bà D vẫn cố tình không đến Tòa để hòa giải, chứng tỏ bà D không còn tha thiết muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với ông T, vì vậy yêu cầu của ông T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về con chung: Ông Đỗ Trung T và bà Nguyễn Thị Thùy D có hai con chung tên Đỗ Nguyễn Phương N sinh ngày 02/10/2009 và Đỗ Nguyễn Anh Q, sinh ngày 06/4/2011 hiện do bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Theo bản tự khai ngày 01/12/2017 bà D cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản tự khai ngày 26/12/2017, ông T đồng ý giao hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng con nuôi hai con chung mỗi tháng là 10.000.000 (mười triệu đồng), mỗi bé 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Đồng thời tại bản tự khai ngày 26/12/2017 cháu Đỗ Nguyễn Phương N, sinh ngày 02/10/2009 có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo lợi ích, điều kiện sống, sinh hoạt ổn định và nguyện vọng của con chung, xét việc yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con của bà D. Đồng thời ông T cũng đồng ý giao hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, việc ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con không trái pháp

luật và phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ cần chấp nhận.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét về tài sản chung: Ông T và bà D đều tự khai tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà D đều tự khai xác nhận không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí ngày và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thùy D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

1. Tuyên xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đỗ Trung T ly hôn bà Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Ông Đỗ Trung T và bà Nguyễn Thị Thùy D có hai con chung tên Đỗ Nguyễn Phương N sinh ngày 02/10/2009 và Đỗ Nguyễn Anh Q, sinh ngày 06/4/2011. Giao hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 10.000.000đ (mười triệu) đồng, mỗi bé 5.000.000 đồng /tháng của ông T. Bắt đầu thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật lần lượt mỗi tháng cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T và bà D tự khai tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà D tự khai xác định không thiếu nợ ai nên tòa không xem xét.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và cấp dưỡng nuôi con là 600.000 đồng ông T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0013478 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông T phải nộp thêm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự quận 8.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Caùc ñoàng soõ coù quyeàn khaùng caùo baùn aùn trong haïn 15 ngaøy keå töø ngaøy nhaän ñoõic baùn aùn hoaëc baùn aùn ñoõic nieâm yeát taïi ñòa phöông nôï coù truù ñeã yeâu caàu Toàa aùn nhaân daân TP Hoà chí Minh xeùt xöù phuøc thaãm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THA DS Q8;
- UBND P6, Q8, TP.HCM.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thúy Minh